

Số: 1331/QĐ-SYT

Kiên Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung

tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2)

Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y



tế ban hành danh mục thuốc đầu thầu, danh mục thuốc đầu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BYT ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục tại Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-BYT ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đính chính Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 5239/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cập nhật, điều chỉnh một số thông tin tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đầu thầu, danh mục thuốc đầu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Y tế, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung Danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-SYT ngày 08 tháng 04 năm 2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh

X.H.C
SỞ
Y TẾ
KIÊN GIANG

dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2);

Căn cứ các Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Hội đồng đấu thầu (Bên mời thầu) và các nhà thầu xếp hạng nhất tại Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2);

Trên cơ sở Tờ trình số 41/TTr- HĐĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng đấu thầu (Bên mời thầu) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 2);

Theo đề nghị của Tổ thẩm định tại Báo cáo số 05/BC-TTĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu **Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa)** thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2) được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023, cụ thể:

- Nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục thuốc trúng thầu, phân bổ số lượng chi tiết cho các cơ sở y tế tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu : Đấu thầu rộng rãi trong nước, lựa chọn nhà thầu qua mạng (Mã thông báo mời thầu: IB2300393076-00).
- Thời gian thực hiện hợp đồng giữa các cơ sở y tế và nhà thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng đấu thầu (Bên mời thầu) có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu, các cơ sở y tế ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để cung cấp các mặt hàng thuốc nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng chức năng của Sở Y tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Hội đồng đấu thầu (Bên mời thầu) và các nhà thầu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD và các PGĐ SYT;
- BHXH tỉnh;
- HĐĐT;
- Trang thông tin điện tử SYT;
- VPĐT SYT;
- Lưu: VT, NVYD, lvminh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trúc Giang



[Handwritten signature]



Phụ lục 1

DANH SÁCH NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 1331/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số lượng mặt hàng thuốc trúng thầu	Tổng giá trị thành tiền
1	1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	16	4.247.894.000
2	2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THẮNG LONG	10	3.913.104.300
3	3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	10	3.009.846.000
4	5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	1	1.503.413.100
5	6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	3	3.041.292.975
6	7	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITOPHARMA	2	1.713.975.000
Tổng cộng			42	17.429.525.375

Phụ lục 2

DANH MỤC THUỐC CỦA CÁC NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

GÓI SỐ 2: GÓI THẦU VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN CÓ DẠNG BÀO CHẾ CAO, CÓM, BỘT, DỊCH CHIẾT, TINH DẦU, NHỰA, GÔM, THẠCH ĐÃ ĐƯỢC TIÊU CHUẨN HÓA)

(Kèm theo Quyết định số 1331/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	Mã Phần (lô)	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Bộ phận dùng	SĐK hoặc số GPNK	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT											
Nhóm 2												
1	PP230062 1177	Bạch mao căn (Nam)	Rhizoma Imperatae cylindricae	Thân rễ	VD-32877-19	Bạch mao căn phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	123.000	83	10.209.000
2	PP230062 1181	Bán hạ nam (Củ chóc) (Nam)	Rhizoma Typhonii trilobati	Thân rễ	VD-31859-19	Chế gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	341.000	331	112.871.000
3	PP230062 1189	Chi tử (Nam)	Fructus Gardeniae	Hạt chín	VD-31864-19	Sao qua (Vi sao)	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	288.000	235	67.680.000
4	PP230062 1196	Đào nhân (Bắc)	Semen Pruni	Nhân hạt lấy ở quả chín	VD-31869-19 1079/BYT-YDCT4128/BYT-YDCT1767/BYT-YDCT	Sao vàng bỏ vỏ	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	821.000	49	40.229.000
5	PP230062 1197	Đào nhân (Bắc)	Semen Pruni	Nhân hạt lấy ở quả chín	VD-31869-19 1079/BYT-YDCT4128/BYT-YDCT1767/BYT-YDCT	Sao vàng bỏ vỏ	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	700.000	1.088	761.600.000
6	PP230062 1214	Hòe hoa (Nam)	Flos Styphnolobii japonici	Nụ hoa	VD-33538-19	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	584.000	894	522.096.000
7	PP230062 1215	Hương phụ (Nam)	Rhizoma Cyperi	Thân rễ đã loại bỏ rễ con và lông	VD-33540-19	Từ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	203.000	439	89.117.000

STT	Mã Phần (lô)	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Bộ phận dùng	SĐK hoặc số GPNK	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng	Thành tiền
8	PP230062 1218	Kiểm thực (Bắc)	Semen Euryales	Hạt của quả chín	VD-31885-19 1079/BYT- YDCT4128/BY T- YDCT1767/BY T-YDCT	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	312.000	160	49.920.000
9	PP230062 1228	Mẫu lệ (Nam)	Concha Ostreae	Vỏ hào	VD-35401-21	Mẫu lệ nung	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	56.000	34	1.904.000
10	PP230062 1240	Táo nhân (Toan táo nhân) (Nam)	Semen Ziziphi mauritiana	Hạt già	VD-33552-19	Táo nhân sao đen	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	917.000	1.699	1.557.983.000
11	PP230062 1241	Thạch quyết minh (Nam)	Concha Halotidis	Vỏ bào ngư	VD-33553-19	Thạch quyết minh sống	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	179.000	68	12.172.000
12	PP230062 1248	Thương truật (Bắc)	Rhizoma Atractylodis	Thân rễ	VD-31908-19 1079/BYT- YDCT4128/BY T- YDCT1767/BY T-YDCT	Sao qua	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	926.000	365	337.990.000
13	PP230062 1251	Trần bì (Nam)	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	VD-31910-19	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	145.000	104	15.080.000
14	PP230062 1253	Tục đoạn (Bắc)	Radix Dipsaci	Rễ	VD-31201-18 1079/BYT- YDCT4128/BY T- YDCT1767/BY T-YDCT	Tục đoạn phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	316.000	1.621	512.236.000
15	PP230062 1259	Xuyên khung (Nam)	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	VD33557-19	Xuyên khung phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	331.000	308	101.948.000
16	PP230062 1260	Ý dĩ (Bắc)	Semen Coicis	Hạt của quả chín	VD-31206-18 1079/BYT- YDCT4128/BY T- YDCT1767/BY T-YDCT	Sao vàng với cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CT CPDP Thành Phát	119.000	461	54.859.000
TỔNG CỘNG		16,00										4.247.894.000

2 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG

Nhóm 2

STT	Mã Phần (lô)	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Bộ phận dùng	SĐK hoặc số GPNK	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng	Thành tiền
1	PP230062 1175	Bạch chỉ (Nam)	Radix angelicae dahuricae	Rễ	VCT-00150-21	Bạch chỉ phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	241.500	2.590	625.485.000
2	PP230062 1180	Bạch truật (Bắc)	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	VCT-00393-23	Sao cám mật ong	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	546.000	1.160	633.360.000
3	PP230062 1182	Cam thảo (Bắc)	Radix Glycyrrhizae	Rễ, thân rễ	VCT-00157-21	Cam thảo phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	378.000	2.174	821.772.000
4	PP230062 1191	Cốt toái bỏ (Nam)	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	VCT-00152-21	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	199.500	1.736	346.332.000
5	PP230062 1208	Hoài sơn (Nam)	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	VCT-00158-21	Sao cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	155.400	1.060	164.724.000
6	PP230062 1224	Liên nhục (Nam)	Semen Nelumbinis	Hạt còn màng mỏng của quả già	VCT-00392-23	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	212.100	49	10.392.900
7	PP230062 1232	Nguru tất (Nam)	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	VCT-00147-21	Nguru tất phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	268.800	491	131.980.800
8	PP230062 1239	Táo nhân (Toan táo nhân) (Bắc)	Semen Ziziphi mauritianaе	Hạt già	VCT-00156-21	Táo nhân sao đen	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	1.020.600	249	254.129.400
9	PP230062 1246	Thục địa (Bắc)	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ	VCT-00151-21	Chế với dịch rượu gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	291.900	2.990	872.781.000
10	PP230062 1254	Tục đoạn (Nam)	Radix Dipsaci	Rễ	VCT-00148-21	Tục đoạn phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	CTCP Đông Y Dược Thăng Long	268.800	194	52.147.200
TỔNG CỘNG		10,00										3.913.104.300
3 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM												
Nhóm 1												
1	PP230062 1171	Ba kích (Nam)	Radix Morindae officinalis	Rễ	VCT-00001-20	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	1.207.500	100	120.750.000
2	PP230062 1178	Bạch tật lê (Bắc)	Fructus Tribuli terrestris	Quả chín	VCT-00041-20	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	567.000	10	5.670.000
3	PP230062 1184	Can khương (Nam)	Rhizoma Zingiberis	Thân rễ	VCT-00050-20	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	183.750	20	3.675.000
4	PP230062 1205	Hà thủ ô đỏ (Bắc)	Radix Fallopieae multiflorae	Rễ củ	VCT-00013-20	Chế với dịch đậu đen	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	336.000	546	183.456.000
5	PP230062 1212	Hoàng liên (Bắc)	Rhizoma Coptidis	Thân rễ	VCT-00040-20	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	1.680.000	128	215.040.000

STT	Mã Phần (lô)	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Bộ phận dùng	SĐK hoặc số GPNK	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng	Thành tiền
6	PP230062 1213	Hoàng liên (Bắc)	Rhizoma Coptidis	Thân rễ	VCT-00040-20	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	1.680.000	74	124.320.000
7	PP230062 1219	Khiếm thực (Bắc)	Semen Euryales	Hạt của quả chín	VCT-00415-23	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	313.950	101	31.708.950
8	PP230062 1237	Son thù (Bắc)	Fructus Corni officinalis	Quả gần chín bỏ hạt	VCT-00025-20	Tâm rượu chung	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	504.000	1.094	551.376.000
9	PP230062 1247	Thục địa (Nam)	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ	VCT-00029-20	Chế với dịch rượu gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	664.650	2.637	1.752.682.050
10	PP230062 1256	Xa tiền tử (Bắc)	Semen Plantaginis	Hạt	VCT-00193-22	Chích muối	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	330.750	64	21.168.000
TỔNG CỘNG		10,00										3.009.846.000
5 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC												
Nhóm 2												
1	PP230062 1211	Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (Bắc)	Radix Astragali membranacei	Rễ	VCT-00258-22	Hoàng kỳ phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	459.900	3.269	1.503.413.100
TỔNG CỘNG		1,00										1.503.413.100
6 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH												
Nhóm 2												
1	PP230062 1199	Đỗ trọng (Bắc)	Cortex Eucommiae	Vỏ thân	VCT-00062-20	Đỗ trọng phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Cty CPDP Khang Minh	248.325	3.310	821.955.750
2	PP230062 1230	Ngưu tất (Bắc)	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	VCT-00065-20	Ngưu tất phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Cty CPDP Khang Minh	323.925	2.085	675.383.625
3	PP230062 1257	Xuyên khung (Bắc)	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	VCT-00066-20	Xuyên khung phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Cty CPDP Khang Minh	333.900	4.624	1.543.953.600
TỔNG CỘNG		3,00										3.041.292.975
7 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITOPHARMA												
Nhóm 2												
1	PP230062 1176	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh) (Bắc)	Poria	Thẻ nấm	VCT-00140-21	Bạch linh phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty TNHH Dược phẩm FITOPHARMA	285.000	2.685	765.225.000
2	PP230062 1201	Độc hoạt (Bắc)	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	VCT-00240-22	Độc hoạt phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	Công ty TNHH Dược phẩm FITOPHARMA	330.000	2.875	948.750.000
TỔNG CỘNG		2,00										1.713.975.000

Tổng số mặt hàng thuốc đề nghị trúng thầu

42

Tổng số nhà thầu đề nghị trúng thầu

6